PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (tiếng Anh viết tắt MSDS từ Material Safety Data Sheet)	Logo của doanh nghiệp

MSDS – Lithium

Số CAS: 7439-93-2
Số UN: 3264
Số đăng ký EC: 231-102-5
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): 8- Các chất ăn mòn
Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: Liti - Tên thương mại: Lithium - Tên khác (không là tên khoa học):	**Mã sản phẩm (nếu có)**
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC** Trụ sở tại: Nhà số 9, Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 0833299222 Email: hoachatthinhphuc@gmail.com	***Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:*** **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC** Trụ sở tại: Nhà số 9, Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 0833299222 Email: hoachatthinhphuc@gmail.com
- Tên nhà sản xuất: Cty TNHH Merck Việt Nam - Địa chỉ: Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM	
- Mục đích sử dụng: hóa chất để tổng hợp	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Lithium	7439-93-2	Li	98 %

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm: Chất ăn mòn nguy hiểm

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Kích ứng da, H373
- Kích ứng mắt, H318
- Kích ứng hô hấp: H332
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: tổn thương mắt.
- Đường tiêu hóa: tiêu chảy
- Đường da; bị dị ứng da.

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt: (bị văng, dây vào mắt) Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch

da bằng nước/ tắm. Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch với nhiều nước Rửa bằng thật nhiều nước và xà phòng

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí) Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy: không dễ cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Có thể hình thành hydrogen iodide

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: nhiệt độ cao

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Nước, Carbon dioxide (CO2), Bọt, Bột khô…

- Không được hít hơi, aerosol. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phókhẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

- Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

- Di chuyển bình chứa khỏi nơi nguy hiểm vàlàm mát bằng nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. **Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ**

- Không được đổ xuống cống. Nguy cơ nổ.

- Đậy cống. Thu thập, buộc vàxảvết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể.

- Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Làm mát các bình chứa kín trong vụ cháy bằng bụi nước.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)
- Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.
- Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)
- Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
- Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...
- Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
- Sử dụng các thiếp bị bảo hộ cá nhân theo như yêu cầu.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Làm việc có mũ bảo hộ; Kính bảo hộ vừa khít

- Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụthể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ vàlượng hóa chất

nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệchống hóa chất tại nhàcung cấp tương ứng

- Bảo vệ tay: Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC
- Bảo vệ chân: Giày bảo hộ

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

- Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bịbảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

- Bình chữa cháy, nước, CO2…
- Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụthể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bịbảo vệchống hóa chất tại nhàcung cấp tương ứng.
- Kính bảo hộ, Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC,
- Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

- Sau khi hít phải: không khí sạch. cho nạn nhân uống nước ngay lập tức.
- Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: sợi	Điểm sôi (^{0}C): 1342°C
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (^{0}C): 180 °C
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy °C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: hPa ở 20 °C	Nhiệt độ tự cháy Phương pháp: DIN 51794
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên %(V)
Độ hòa tan trong nước: phản ứng với nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới %(V)
Độ PH:	Tỷ lệ hoá hơi
Khối lượng riêng (kg/m^3): 0.534g/ml ở 20 °C	Các tính chất khác nếu có

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

2. Khả năng phản ứng:

- Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với: nitrit, nitrat, Các chất oxy hóa mạnh, kim loại mạnh

- Phản ứng tỏa nhiệt với: axit nitơ có thể giải phóng nitosamin
- Rủi ro nổ với: chất hữu cơ dễ cháy, hợp chất amoni, axetat, Cồn, Este

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Lithium	LD50	600 mg/kg	Da, miệng, hô hấp...	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư,độc sinh sản, biến đổi gen...)

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Lithium	Tảo	48 h	2.38 mg/l

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải đợc vứt bỏ theo Thông tư 2008/98/EC về rác thải cũng như các qu định khác của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trảlại hóa chất vàbình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu cócâu hỏi nào khác.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa. - Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.	**UN 3264**	**Liti**	8- Các chất ăn mòn	**I**		Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	**3264**	**Lithium**	8- Các chất ăn mòn			

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Sản phẩm được phân loại nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia, đăng ký: 8 - Chất ăn mòn

- Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số: 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số: 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số

điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 05:2020/BCT. Thông tư số: 48/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.
- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.
- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 15/08/2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

Tên tổ chức soạn thảo: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hóa Chất Thịnh Phúc**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

(Ban hành kèm theo Phụ lục 9, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất)